TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST Ngày: 26-02-2018 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước

Bà Nguyễn Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 26/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2017/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-DS ngày 17/01/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, địa chỉ: Số M/T, ấp VK, xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông NKT, là Luật sư của Văn phòng Luật sư NKT thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến L, địa chỉ: Số MCS/MM, đường TĐT, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2017 và lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thanh T tại các văn bản ngày 09/11/2017, 21/11/2017 thì:

Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Tiến L tổ chức lễ cưới vào tháng 7/2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo C (nữ, sinh ngày

15/12/2012) hiện đang sống chung với chị T, nhưng không có tài sản chung và nợ chung.

Sau thời gia chung sống, đến tháng 4/2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L và trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo C, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung thì chị T cho rằng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Thanh T đã nộp Bản sao có chứng thực Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Ngọc Bảo C; Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn của chị T và anh Nguyễn Tiến L.

- Theo kết quả xác minh ngày 15/12/2017 của Tòa án đối với bà Nguyễn Thị Thùy Dương thì anh Nguyễn Tiến L là con ruột của bà và sau khi kết hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T thì anh chị sống chung với bà Dương tại số MCS/MM, đường TĐT, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; đến tháng 4/2016 vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn do làm ăn thất bại và anh chị ly thân từ đó cho đến nay. Bà Dương đã nhiều lần động viên nhưng anh L, chị T không hàn gắn tình cảm vợ chồng được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Tiến L và anh L cư trú tại địa chỉ số MCS/MM, đường TĐT, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.2] Anh Nguyễn Tiến L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Chị Nguyễn Thị Thanh T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông NKT có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Tiến L xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã XH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 2012 nên hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[2.2] Theo các tài liệu, tình tiết, sự kiện do chị Nguyễn Thị Thanh T cung cấp và không bị anh Nguyễn Tiến L phản đối cũng như kết quả xác minh ngày 15/12/2017 của Tòa án đối với bà Nguyễn Thị Thùy Dương, có cơ sở xác định sau thời gian chung sống thì chị T, anh L phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau, từ tháng 4/2016 thì anh chị không còn sống chung cho đến nay. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh L theo khoản 1 Điều 56 của Luật này.

[2.3] Về con chung, do cháu Nguyễn Ngọc Bảo C (nữ, sinh ngày 15/12/2012) hiện đang sống chung với chị T nên Hội đồng xét xử giao cháu cho chị tiếp tục nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Tiến L thực hiện nghĩa vụ này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Anh Nguyễn Tiến L có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Ngọc Bảo C theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.6] Về tài sản chung và nợ chung, chị Nguyễn Thị Thanh T tự khai không có nên không giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T và ý kiến của vị Luật sư bảo vệ.

[4] Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T:

1.1/. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Tiến L.

1.2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo C (nữ, sinh ngày 15/12/2012) cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tiến L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Bảo C.

Anh Nguyễn Tiến L có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Ngọc Bảo C theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.3/. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T tự khai không có nên không giải quyết.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0008474 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Chị Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3/. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Khương